

DANH SÁCH NHÂN VIÊN ACBS CÓ CCHN VÀ CKPS THÁNG 04 NĂM 2025

STT	MÃ NHÂN VIÊN	HỌ VÀ TÊN	CHỨNG KHOẢN PHÁI SINH	CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CAO NHẤT
1	NV47802	NGUYỄN ĐỨC HOÀN	x	001024/QLQ
2	NV52093	LÊ HOÀNG TÂN	x	001102/QLQ
3	NV30136	TRẦN VI PHÚC		002877/PTTC
4	NV44730	THÁI LÊ HIỀN	x	002857/PTTC
5	NV48479	ĐẶNG TRẦN MINH TÂN		002402/QLQ
6	NV53636	NGUYỄN THỊ MỸ PHƯỢNG		002777/QLQ
7	NV53970	QUÁCH PHƯỚC HẢI		002027/QLQ
8	NV52744	LÊ HOÀNG DUNG		00827/PTTC
9	NV48566	NGUYỄN THỊ THUYẾT TRÂM	x	008048/MGCK
10	NV5183	HỒ TRỌNG DŨNG	x	001996/MGCK
11	NV7633	TRẦN THỊ VÂN ANH	x	001947/MGCK
12	NV32602	TRẦN KHÁNH TRÂM	x	005032/MGCK
13	NV45407	NGUYỄN THỊ BÌNH	x	008972/MGCK
14	NV51591	TRẦN THỊ XUÂN DUYÊN	x	007038/MGCK
15	NV37366	CHU THỊ KIM HƯƠNG		000930/QLQ
16	NV32283	TRẦN THỊ THANH	x	002360/QLQ
17	NV47038	NGUYỄN TRẦN NHƯ HUỖNH		008771/MGCK
18	NV50199	LÊ NGUYỄN ANH THU	x	009582/MGCK
19	NV42280	HUỖNH MINH TUẤN	x	002630/PTTC
20	NV43839	ĐINH XUÂN LỘC	x	002531/QLQ
21	NV47039	HUỖNH TÂN DUY	x	002859/PTTC
22	NV47040	NGUYỄN ĐỖ VĂN KHANH	x	002990/PTTC
23	NV51275	NGUYỄN THỰC DUNG		008550/MGCK
24	NV37937	NGUYỄN QUỐC BÌNH		001635/PTTC
25	NV45885	NGUYỄN MẠNH NGHĨA		002778/PTTC
26	NV48790	HOÀNG TIẾN ĐỨC		002848/PTTC
27	NV1236	HUỖNH VĂN KHÔI	x	01188/PTTC
28	NV4343	TRẦN CHÂU ANH DUY	x	00237/PTTC
29	NV6279	TRƯƠNG QUANG VĨNH	x	00264/PTTC
30	NV1936	TRẦN THỊ BÍCH LOAN	x	001281/MGCK
31	NV1756	ĐINH THỊ THÙY OANH	x	002128/PTTC
32	NV16654	NGUYỄN VĂN MINH	x	001498/MGCK
33	NV23056	DƯƠNG THỊ THỦY DUNG	x	003046/MGCK
34	NV24722	PHAN BẢO TRUNG	x	01297/PTTC
35	NV30343	NGUYỄN THÀNH HIẾN	x	003712/MGCK
36	NV42443	ĐÀO QUANG TUYẾN	x	007173/MGCK
37	NV42620	KHA VÂN THANH	x	007444/MGCK
38	NV43302	TRẦN THÁI HÀ	x	007788/MGCK
39	NV20841	TRƯƠNG BÍCH VÂN	x	008398/MGCK
40	NV35313	TÔN THỊ MAI VÂN	x	005176/MGCK
41	NV7735	BÙI NGUYỄN HẢI YẾN	x	002447/MGCK
42	NV10537	CHU ĐỨC MẠNH	x	001997/MGCK
43	NV26143	TRẦN BÌNH LẬP	x	004079/MGCK
44	NV34340	NGUYỄN THỊ LIỄU	x	007291/MGCK
45	NV13117	PHẠM MINH TRÍ	x	007527/MGCK
46	NV43687	NGUYỄN THỊ THANH TỬ	x	008188/MGCK
47	NV1864	NGUYỄN MINH THÀNH	x	002286/PTTC
48	NV6778	NGUYỄN THỊ THU HÀ	x	002318/PTTC
49	NV7752	NGUYỄN NGỌC THÚY	x	001684/MGCK

DANH SÁCH NHÂN VIÊN ACBS CÓ CCHN VÀ CKPS THÁNG 04 NĂM 2025

STT	MÃ NHÂN VIÊN	HỌ VÀ TÊN	CHỨNG KHOẢN PHÁI SINH	CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CAO NHẤT
50	NV10943	LÂM THỊ THỦY DUNG	x	002987/MGCK
51	NV22214	NGUYỄN QUANG HIẾU	x	002275/PTTC
52	NV24068	LÊ ĐOAN TRANG	x	003446/MGCK
53	NV24502	VŨ SƠN TÙNG	x	002294/PTTC
54	NV29503	HOÀNG THỊ LAN PHƯƠNG	x	003965/MGCK
55	NV30114	VÔ THỊ THANH THÚY	x	002882/MGCK
56	NV33437	PHẠM THANH TUẤN	x	004322/MGCK
57	NV33518	TRẦN THỊ HƯƠNG	x	002892/MGCK
58	NV47632	PHAN THỊ HUYỀN	x	008712/MGCK
59	NV1235	TRƯƠNG DUY KHIÊM	x	000445/QLQ
60	NV3872	VƯƠNG NGỌC ANH	x	00533/PTTC
61	NV2	PHẠM THÁI HUYỀN TRẦN	x	001182/QLQ
62	NV5908	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	x	001151/QLQ
63	NV4501	NGUYỄN THỊ KIM THANH	x	001524/MGCK
64	NV6355	LÊ MINH HẢI	x	001687/PTTC
65	NV13408	ĐỖ HỮU THỊNH	x	01016/PTTC
66	NV20733	VÔ MINH QUỐC	x	001346/QLQ
67	NV23537	LÝ PHẠM LONG THỊNH	x	003160/MGCK
68	NV32457	ĐỖ HOÀNG VĨ	x	004649/MGCK
69	NV32890	DƯƠNG TIẾN PHÁT	x	005012/MGCK
70	NV33503	CAO MINH KHOA	x	006342/MGCK
71	NV39322	MẠC KINH VINH HIỀN	x	007275/MGCK
72	NV39893	NGUYỄN DƯƠNG PHƯƠNG NGUYỄN	x	007219/MGCK
73	NV40447	NGUYỄN THỊ MAI HÂN	x	007215/MGCK
74	NV44767	NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	x	008142/MGCK
75	NV48319	PHAN THÁI HÒA	x	007872/MGCK
76	NV1584	TRẦN THỊ NGỌC YẾN	x	00561/PTTC
77	NV6375	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	x	002117/MGCK
78	NV3949	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	x	002556/MGCK
79	NV31481	TẶNG VĂN TRƯỜNG	x	002372/MGCK
80	NV5465	ĐINH NGUYỄN HOÀI HƯƠNG	x	001906/PTTC
81	NV929	VÔ CÔNG MINH	x	01139/PTTC
82	NV3370	NGUYỄN NHU THÀNH NAM	x	00252/PTTC
83	NV4582	NGUYỄN THỊ HỒNG TRANG	x	00883/PTTC
84	NV6471	VŨ LAM DIỆU	x	001619/PTTC
85	NV5133	HẮC THỊ THÚY	x	002273/MGCK
86	NV603	TRẦN THỊ NHƯ TRANG	x	002148/MGCK
87	NV11268	LÊ PHƯƠNG HOÀI BẢO	x	001643/MGCK
88	NV11261	PHẠM THANH TUẤN	x	002121/MGCK
89	NV34177	PHAN HUỲNH ĐĂNG KHOA		005055/MGCK
90	NV4792	NGUYỄN THỊ THANH MAI	x	004675/MGCK
91	NV35208	VŨ PHI KHƯƠNG	x	006511/MGCK
92	NV42060	VÔ NHẬT THẮNG	x	007040/MGCK
93	NV42911	ĐẶNG HẢI ĐẠT	x	007887/MGCK
94	NV43841	ĐÀO THỊ MINH THƯ		007957/MGCK
95	NV5166	TRẦN NGỌC ANH THƯ	x	002114/MGCK
96	NV6879	NGUYỄN VĂN CHÍ LINH	x	002184/QLQ
97	NV22516	LÊ HỒNG QUANG	x	003043/MGCK
98	NV33292	ĐỖ VIỆT THẮNG	x	002175/QLQ

DANH SÁCH NHÂN VIÊN ACBS CÓ CCHN VÀ CKPS THÁNG 04 NĂM 2025

STT	MÃ NHÂN VIÊN	HỌ VÀ TÊN	CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH	CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CAO NHẤT
99	NV47347	TRINH HỒNG VIỆT ANH	x	007941/MGCK
100	NV47349	NGUYỄN ĐỨC NHÃ		007969/MGCK
101	NV24075	PHAN THÀNH DUY	x	00238/PTTC
102	NV24723	ĐỖ CÔNG TUẤN	x	003800/MGCK
103	NV34809	ĐẶNG NGUYỄN QUỐC TÀI		009047/MGCK
104	NV41855	ĐÀO NGUYỄN TRÍ		006919/MGCK
105	NV42631	TRẦN THÀNH HIỆP		006956/MGCK
106	NV9776	TRẦN TRUNG DŨNG	x	01228/PTTC
107	NV22219	ĐỖ VIỆT THẮNG	x	002596/MGCK
108	NV22702	PHẠM MINH HƯỜNG	x	003259/MGCK
109	NV23264	HOÀNG XUÂN LINH	x	003366/MGCK
110	NV34258	ĐINH THỊ HỒNG DUYÊN	x	004747/MGCK
111	NV34917	PHẠM THU THỦY	x	004673/MGCK
112	NV42158	TRẦN ĐẠI DƯƠNG		004568/MGCK
113	NV42227	TÔ MAI PHƯƠNG	x	009221/MGCK
114	NV5209	NGUYỄN THỊ HẠNH	x	00241/PTTC
115	NV4276	VĂN KHẮC HÙNG	x	00074/QLQ
116	NV6615	NGUYỄN THANH HIẾU	x	001755/PTTC
117	NV1929	VƯƠNG ĐỨC THIÊN	x	002234/MGCK
118	NV10546	NGUYỄN DUY HÙNG	x	001896/MGCK
119	NV20687	TRINH XUÂN BẰNG	x	001921/MGCK
120	NV33029	LÊ THỊ DIỆP	x	002700/QLQ
121	NV2264	PHẠM TUẤN LONG	x	00127/QLQ
122	NV50832	MẠC DUY LINH	x	003716/MGCK
123	NV2715	VŨ TRƯỞNG GIANG	x	00942/PTTC
124	NV4716	NGUYỄN HUY MINH	x	00881/PTTC
125	NV4033	PHẠM QUANG HỢP	x	002058/PTTC
126	NV709	NGUYỄN TUẤN MINH	x	001782/PTTC
127	NV4140	NGUYỄN NHƯ VŨ	x	00867/QLQ
128	NV3177	NGUYỄN THỊ HẢI HÀ	x	002007/MGCK
129	NV22915	NGUYỄN ĐỨC LONG	x	003128/MGCK
130	NV23059	PHẠM HỒNG NGỌC	x	003329/MGCK
131	NV42782	KIỀU ĐỨC HÙNG		008458/MGCK
132	NV51549	HÀ HỮU ĐẠT	x	01026/PTTC
133	NV33297	TRẦN THU HIỀN	x	002770/MGCK
134	NV34912	ĐỖ THỊ HỒNG LÂM	x	00992/PTTC
135	NV34916	ĐOÀN THỊ THU THỦY	x	001559/PTTC
136	NV35310	NGÔ THỊ THANH	x	004646/MGCK
137	NV36148	NGUYỄN TRẦN ANH TUẤN	x	006308/MGCK
138	NV38735	HỨA THỊ BÍCH NGỌC	x	006920/MGCK
139	NV39982	HUỖNH TẤN KHÔI		006998/MGCK
140	NV42617	DƯƠNG MINH HIẾU	x	002457/QLQ
141	NV42783	NGUYỄN THỦY TRANG	x	006954/MGCK
142	NV42922	NGÔ LÝ TRÂN	x	008200/MGCK
143	NV44645	TRẦN HAI YẾN	x	001557/QLQ
144	NV46907	LÊ MINH TRÍ	x	009530/MGCK
145	NV33196	NGUYỄN HUY ANH TÀI	x	002496/QLQ
146	NV52180	CAO ĐỨC TÀI	x	007028/MGCK
147	NV10555	VŨ NHUẬN THẮNG	x	001765/QLQ

DANH SÁCH NHÂN VIÊN ACBS CÓ CCHN VÀ CKPS THÁNG 04 NĂM 2025

STT	MÃ NHÂN VIÊN	HỌ VÀ TÊN	CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH	CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CAO NHẤT
148	NV20724	NGUYỄN THỊ THỤC ANH	x	002766/MGCK
149	NV35206	ĐINH THẢO LINH	x	004874/MGCK
150	NV4145	PHẠM TRÂM NHƯ NGUYỄN	x	000872/QLQ
151	NV45682	ĐOÀN THANH BÌNH	x	007134/MGCK
152	NV4858	NGUYỄN TIÊN PHONG	x	00541/PTTC
153	NV10539	TRẦN TUẤN SƠN	x	002272/MGCK
154	NV22704	TRƯƠNG VĂN DANH	x	002163/PTTC
155	NV25337	NGUYỄN VĂN NHẬT	x	003582/MGCK
156	NV25787	TRỊNH HỒNG NHỰT		003789/MGCK
157	NV25928	NGUYỄN TẤN TÀI	x	003786/MGCK
158	NV33436	HỒ SĨ TUỒNG TRINH	x	002343/MGCK
159	NV34078	NGUYỄN TIẾN QUYẾT	x	006506/MGCK
160	NV34257	LÊ QUỐC TRÍ	x	001964/QLQ
161	NV39253	TIÊU HIỂN LỄ	x	007958/MGCK
162	NV39505	NGUYỄN CAO HƯỜNG	x	006409/MGCK
163	NV39503	NGUYỄN NGỌC NGUYỄN	x	006440/MGCK
164	NV44770	VÔ THIÊN QUANG		008491/MGCK
165	NV9049	TRẦN THANH BÌNH	x	00484/PTTC
166	NV10945	PHẠM HỮU LẬP	x	001926/MGCK
167	NV34606	HUỖNH NHỰT LINH	x	007125/MGCK
168	NV44774	NGUYỄN TRỌNG KIM		007929/MGCK
169	NV25792	NGUYỄN NGỌC XUÂN	x	003014/MGCK
170	NV38291	NGUYỄN LONG ĐÌNH		004873/MGCK
171	NV43924	NGÔ NGUYỄN XUÂN QUỲNH		008439/MGCK
172	NV40119	LƯU ANH TUẤN		007791/MGCK
173	NV4260	NGUYỄN PHAN TAM ANH		01366/PTTC
174	NV3529	PHẠM THỊ SANH		00562/PTTC
175	NV2110	VÔ VĂN VÂN		001850/PTTC
176	NV297	ĐẶNG THỊ HỒNG DANH	x	001952/MGCK
177	NV4267	ĐỖ THỊ NGỌC HẠNH	x	00558/PTTC
178	NV53431	NGUYỄN MINH THỦY	x	002835/PTTC
179	NV45761	TRẦN THỊ BÍCH TRÂM	x	007886/MGCK
180	NV827	VŨ THỊ DIỆU HIỀN	x	01328/PTTC
181	NV1282	ĐOÀN THỊ CHÂU GIANG	x	001526/MGCK
182	NV41909	NGUYỄN PHẠM THỦY DUNG	x	007891/MGCK
183	NV5516	LÊ THỊ THỦY LÂM		001929/MGCK
184	NV8564	LÊ THỦY DƯƠNG	x	002105/MGCK
185	NV9268	HUỖNH KIM THANH	x	002573/MGCK
186	NV20703	NGUYỄN THỊ LAN ANH	x	001962/PTTC
187	NV29906	LÊ THỊ QUỲNH TRANG	x	001851/PTTC
188	NV36844	NGUYỄN NGÂN GIANG		007890/MGCK
189	NV37378	LÊ NGỌC TUYẾT NHƯ	x	007939/MGCK
190	NV38552	HUỖNH ĐỨC TIẾN	x	007138/MGCK
191	NV40678	HỒ THỊ THẨM	x	004769/MGCK
192	NV24350	TRẦN THỊ VÂN	x	002597/MGCK
193	NV33467	CHÂU HUỖNH KIM NGÂN		007131/MGCK
194	NV44970	NGUYỄN MỸ DUNG	x	006471/MGCK
195	NV45612	NGÔ VŨ TRÀ MY		007938/MGCK
196	NV46329	TRẦN MAI ANH	x	008751/MGCK

DANH SÁCH NHÂN VIÊN ACBS CÓ CCHN VÀ CKPS THÁNG 04 NĂM 2025

STT	MÃ NHÂN VIÊN	HỌ VÀ TÊN	CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH	CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CAO NHẤT
197	NV46330	NGUYỄN THỊ THU NGỌC	x	008768/MGCK
198	NV34974	TRẦN THỊ THÙY DƯƠNG	x	003083/MGCK
199	NV37622	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	x	006327/MGCK
200	NV33599	LƯU MỸ TIỀN	x	01318/PTTC
201	NV6103	LẠC KIẾT NHI	x	002606/MGCK
202	NV4114	MAI THỊ LAN HƯƠNG	x	002240/MGCK
203	NV10222	NGUYỄN THỊ THANH NHÂN	x	002141/MGCK
204	NV44642	NGUYỄN THỊ MAI THY	x	007877/MGCK
205	NV11616	NGÔ THỊ DIỄM TRANG	x	001832/MGCK
206	NV6551	LÊ THANH NGÀ	x	002390/PTTC
207	NV24726	LÊ THỊ TUYẾT SƯƠNG	x	003536/MGCK
208	NV24355	HOÀNG THỊ ANH ĐÀO	x	001951/PTTC
209	NV11273	DƯƠNG THỊ THANH THẢO	x	001953/MGCK
210	NV3994	ĐẶNG THỊ MỸ HẠNH	x	00619/MGCK
211	NV4462	LÊ THỊ THU HÀ	x	002277/MGCK
212	NV39747	PHẠM HƯƠNG HẢI TIỀN	x	006963/MGCK
213	NV6490	NGUYỄN THỊ ÁI SƠN	x	007907/MGCK
214	NV22222	TRẦN NGUYỄN HỒNG NHUNG	x	002042/PTTC
215	NV6193	NGUYỄN BÍCH HẢI	x	00636/MGCK
216	NV6336	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	x	00553/PTTC
217	NV6242	PHẠM THỊ BÍCH HƯƠNG	x	001683/MGCK
218	NV5581	NGUYỄN TRƯỜNG PHONG	x	00256/PTTC
219	NV1787	NGUYỄN THỊ HỒNG PHƯỢNG	x	000990/QLQ
220	NV22218	HUỲNH THỊ TOÀN	x	003078/MGCK
221	NV20682	LƯƠNG THỊ KIM CHI		002955/MGCK
222	NV20698	PHẠM THÁI THANH TRÚC		003304/MGCK
223	NV25050	PHAN VIỆT HƯNG		002557/PTTC
224	NV24072	CAO VIỆT HÙNG		001874/QLQ
225	NV47969	PHẠM ĐỨC TOÀN		008077/MGCK
226	NV33597	TRỊNH VIỆT HOÀNG MINH		002702/QLQ
227	NV52140	NGUYỄN THẾ HÙNG		004097/MGCK
228	NV6147	NGUYỄN THỊ NGUYỆT		001297/MGCK
229	NV38887	NGUYỄN MINH HÒA	x	007302/MGCK
230	NV3940	NGUYỄN XUÂN HIỆP		002673/QLQ
231	NV46260	CAO THỊ KIM OANH	x	007968/MGCK
232	NV43915	NGUYỄN TRẦN ANH THƯ	x	002949/MGCK
233	NV46545	ĐẶNG QUANG HUY	x	002707/PTTC
234	NV37069	NGUYỄN THANH VẤN	x	007286/MGCK
235	NV52075	LÊ THỊ NGỌC HÀ		006273/MGCK
236	NV1030	VĂN THỊ MINH HOÀNG	x	006410/MGCK
237	NV42632	PHẠM THỊ HƯƠNG	x	007598/MGCK
238	NV9267	ĐẶNG THỊ UYÊN CHÂU	x	001437/MGCK
239	NV53430	HOÀNG THỊ HỒNG LY	x	004390/MGCK
240	NV54089	ĐỒNG THUẬN ANH		009617/MGCK
241	NV54199	NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC	x	007850/MGCK
242	NV42622	VÕ THỊ AN BÌNH	x	007000/MGCK
243	NV54200	PHẠM BÌNH PHƯƠNG		001883/PTTC
244	NV45613	HUỲNH THIÊN ÂN		007882/MGCK